ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2500 /UBND-NNTNMT V/v cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới.	*Thái Bình, ngày 21 tháng 8 năm 2014*

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THÁI BÌNH
ĐẾN Số: 2205
Ngày: 25/8/2014
Chuyển:

Kính gửi:
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);
- Ủy ban nhân dân các huyện: Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Tiền Hải, Thái Thụy;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà.

Xét đề nghị của Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình tại Tờ trình số 61/TTr-QĐTPT ngày 20/8/2014 về việc cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Đồng ý giao Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà (đơn vị cung ứng xi măng) tiếp tục cấp xi măng cho các xã, phường, thị trấn đã thực hiện nghiêm túc Thông báo số 14/VP-TB ngày 29/4/2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc các huyện Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Tiền Hải, Thái Thụy và thành phố Thái Bình, với tổng khối lượng 5.193,15 tấn, trong đó:

+ Huyện Quỳnh Phụ:	3.398,20 tấn;
+ Huyện Kiến Xương:	637,70 tấn;
+ Huyện Tiền Hải:	280,85 tấn;
+ Huyện Thái Thụy:	755,60 tấn;
+ Thành phố Thái Bình:	120,80 tấn;

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo),

Số lượng xi măng trên đã được phê duyệt tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Yêu cầu:

+ Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng cấp cho các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Tiền Hải, Thái Thụy và thành phố Thái Bình trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

+ Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo khối lượng xi măng được cấp tại Công văn này;

+ Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với: Ủy ban nhân dân các huyện Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Tiền Hải, Thái Thụy; Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình; doanh nghiệp cung ứng xi măng giao xi măng cho các xã, phường, thị trấn theo khối lượng được cấp tại Công văn này;

+ Ủy ban nhân dân các huyện Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Tiền Hải, Thái Thụy; Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn được cấp xi măng hỗ trợ thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình đảm bảo quy định của tỉnh và quy định của Nhà nước./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục

KHỐI LƯỢNG XI MĂNG CẤP CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC CÁC HUYỆN QUỲNH PHỤ, KIẾN XƯƠNG, TIỀN HẢI, THÁI THỤY VÀ THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

(Kèm theo Công văn số 2500 /UBND-NNTNMT ngày 21/8/2014 của UBND tỉnh).

STT	Huyện, TP/xã, phường, thị trấn	Lượng xi măng được duyệt (tấn)	Lượng xi măng đã nhận (tấn)	Lượng xi măng được cấp tiếp (tấn)	Thời gian nhận
I	**Quỳnh Phụ**			**3.398,20**	
1	Quỳnh Sơn	2.595,70	1.549,60	379,40	22/8 - 10/9/2014
2	An Thái	1.227,90	933,90	249,60	22/8 - 05/9/2014
3	Quỳnh Bảo	1.875,60	1.473,60	256,80	22/8 - 10/9/2014
4	Quỳnh Châu	668,90	653,80	15,10	22/8/2014
5	Quỳnh Nguyên	2.804,30	646,90	320,30	22/8 - 10/9/2014
6	An Ấp	2.449,60	1.967,80	243,10	22/8 - 10/9/2014
7	Quỳnh Trang	2.367,00	2.144,50	122,90	22/8 - 10/9/2014
8	An Qúy	2.782,20	2.045,30	736,90	22/8 - 30/9/2014
9	An Đồng	2.862,70	2.147,60	394,90	22/8 - 10/9/2014
10	An Cầu	689,80	272,10	178,10	22/8 - 05/9/2014
11	Quỳnh Hội	3.011,20	2.295,30	501,10	22/8 - 20/9/2014
II	**Kiến Xương**			**637,70**	
1	Bình Minh	2.919,00	2.834,20	84,80	22/8 - 24/8/2014
2	Hồng Thái	1.982,50	1.429,00	552,90	22/8 - 15/9/2014
III	**Tiền Hải**			**280,85**	
1	Nam Thanh	2.635,40	1.987,00	71,60	22/8 - 24/8/2014
2	Đông Hoàng	2.844,30	2.219,05	209,25	23/8 - 05/9/2014

IV	**Thái Thụy**			**755,60**	
1	Thái Giang	2.023,00	1.751,60	178,00	22/8 - 05/9/2014
2	Thụy Phong	2.709,00	2.292,20	327,00	22/8 - 20/9/2014
3	Thụy Ninh	1.858,90	1.696,50	162,40	22/8 - 05/9/2014
4	Thị trấn Diêm Điền	174,90	0,00	88,20	22/8 - 26/8/2014
V	**Thành phố TB**			**120,80**	
1	Phường Phú Khánh	123,70	0,00	120,80	22/8 - 25/8/2014
Tổng (I+II+III+IV+V)				**5.193,15**	
(Năm nghìn, một trăm chínmươi ba tấn, một trăm năm mươi cân).					